

Số: 115/2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 31 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 320/TTr-SKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 6 năm 2026; Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế phối hợp quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Phòng: Nội chính; KGVX (B₁₉);
- Lưu: VT, KP362/6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Luân



QUY CHẾ

Phối hợp quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hoạt động phối hợp quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong hoạt động quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị theo quy định pháp luật và Quy chế này.

2. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, chủ động và trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm tính khách quan, chế độ bảo mật các thông tin, tài liệu liên quan của các dự án đầu tư.

4. Cơ quan, đơn vị nhận được đề nghị phối hợp thì thực hiện đảm bảo tính kịp thời, đúng nội dung đề nghị phối hợp; trường hợp không thể đáp ứng nội dung đề nghị phối hợp phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị đề nghị phối hợp.

5. Tuân thủ nguyên tắc trong hoạt động kiểm tra liên quan đến các tổ chức, cá nhân đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Triển khai thực hiện các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên về hoạt động chuyển giao công nghệ, thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ và các văn bản có liên quan trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn trong hoạt động chuyển giao công nghệ, thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

3. Theo dõi, thống kê, tổng hợp công tác chuyển giao công nghệ, thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

4. Báo cáo, cung cấp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước về tình hình thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

5. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư liên quan đến công nghệ.

2. Trao đổi trực tuyến, trực tiếp hoặc gửi công văn đề nghị phối hợp; thông báo bằng văn bản kết quả xử lý đối với các dự án đầu tư có yếu tố công nghệ trên địa bàn tỉnh; cung cấp các tài liệu, báo cáo chuyên đề liên quan đến các dự án đầu tư có yếu tố công nghệ trên địa bàn tỉnh.

3. Trao đổi thông qua các hoạt động tập huấn, hội nghị, hội thảo.

4. Các hình thức phối hợp khác.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 5. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư; phối hợp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện quy định về chuyển giao công nghệ, thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư.

2. Chủ trì, phối hợp tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về chuyển giao công nghệ; các chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ; thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP; điểm b khoản 4 Điều 3 và điểm b

khoản 5 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư có sử dụng công nghệ mà không thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương.

4. Tổ chức thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

5. Chủ trì thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư đã thẩm định tại khoản 3 Điều này nhưng trong quá trình triển khai có thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư làm điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ.

6. Cử người tham gia hội đồng thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo đề nghị của các cơ quan quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Quy chế này (nếu có).

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra hoạt động thẩm định hoặc có ý kiến thẩm định công nghệ do các cơ quan quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Quy chế này chủ trì thực hiện.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra công nghệ của dự án đầu tư thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao trên địa bàn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 và dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

9. Phối hợp Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh điều tra, khảo sát các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế về đánh giá trình độ công nghệ theo quy định.

10. Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan rà soát các quy định liên quan đến quản lý công nghệ; kịp thời kiến nghị các cơ quan Trung ương, địa phương ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến quản lý công nghệ phù hợp với tình hình thực tiễn.

11. Theo dõi, thống kê, tổng hợp hoạt động chuyển giao công nghệ, thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

12. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

13. Hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; Bộ Khoa học và Công nghệ về hoạt động chuyển giao công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP đối với dự án thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ trì thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư đã được Sở Xây dựng thẩm định tại khoản 1 Điều này nhưng trong quá trình triển khai có thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư làm điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ.

3. Cử người tham gia hội đồng thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo đề nghị của các cơ quan quy định tại Điều 5, Điều 7, Điều 8 của Quy chế này (nếu có).

4. Báo cáo thông tin về các dự án đầu tư đã thẩm định tại khoản 1 Điều này khi có đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra công nghệ của dự án đầu tư thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực cơ quan đang quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

Điều 7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3, điểm b khoản 4 Điều 3 và điểm b khoản 5 Điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP với dự án thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

2. Chủ trì thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định tại khoản 1 Điều này nhưng trong quá trình triển khai có thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư làm điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ.

3. Cử người tham gia hội đồng thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo đề nghị của các cơ quan quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 của Quy chế này (nếu có).

4. Báo cáo thông tin về các dự án đầu tư đã thẩm định tại khoản 1 Điều này khi có đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra công nghệ của dự án đầu tư thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực cơ quan đang quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

7. Cung cấp số liệu các dự án được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định cấp giấy phép môi trường có sử dụng công nghệ khi có đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 8. Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3, điểm b khoản 4 Điều 3 và điểm b khoản 5 điều 3 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP đối với dự án thuộc lĩnh vực năng lượng.

2. Chủ trì thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư đã được Sở Công Thương thẩm định tại khoản 1 Điều này nhưng trong quá trình triển khai có thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư làm điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ.

3. Cử người tham gia hội đồng thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo đề nghị của các cơ quan quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Quy chế này (nếu có).

4. Báo cáo thông tin về các dự án đầu tư đã thẩm định tại khoản 1 Điều này khi có đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra công nghệ của dự án đầu tư thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực cơ quan đang quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

7. Cung cấp số liệu các dự án đầu tư nhà máy điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác, điện khí khi có đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 9. Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư.

2. Chịu trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP đối với dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý.

3. Hằng năm, cung cấp thông tin dự án đầu tư có sử dụng công nghệ thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt thuộc phạm vi quản lý cho Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, để các cơ quan này tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả khoản 2 Điều 29 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

4. Chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ trong giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đối với các dự án đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài chính.

5. Cử người tham gia hội đồng thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo đề nghị của các cơ quan quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy chế này (nếu có). Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Cung cấp thông tin các doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh khi có đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp; kiểm tra, kiểm soát công nghệ và chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư, hoạt động nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

2. Chịu trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP đối với dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý.

3. Hằng năm, cung cấp thông tin dự án đầu tư có sử dụng công nghệ thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt thuộc phạm vi quản lý cho Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, để các cơ quan này tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả khoản 2 Điều 29 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết các những khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ của các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao...

5. Cử người tham gia hội đồng thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo đề nghị của các cơ quan quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy chế này (nếu có). Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao...theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp tổ chức các nội dung, chương trình, gồm: Thông tin tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, khảo sát, điều tra thống kê hoạt động về khoa học và công nghệ.

Điều 11. Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, thẩm định công nghệ theo quy định.

2. Cử người tham gia hội đồng thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo đề nghị của các cơ quan quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy chế này (nếu có).

Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ hoặc tổ chức thẩm định công nghệ theo quy định đối với dự án thuộc cấp xã quản lý.

2. Cử người tham gia hội đồng thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo đề nghị của các cơ quan quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy chế này (nếu có).

3. Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý công nghệ và nhiệm vụ theo Quy chế này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này theo quy định.

3. Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về công nghệ trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.